

## BÁO CÁO

### Tình hình và kết quả thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2018 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Thực hiện quy định về báo cáo định kỳ hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC) theo Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát TTHC, UBND tỉnh Quảng Ngãi tổng hợp báo cáo Văn phòng Chính phủ như sau:

#### I. Về tình hình và kết quả thực hiện hoạt động kiểm soát TTHC

##### 1. Về kiểm soát ban hành quy định TTHC:

UBND tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành 02 văn bản quy phạm pháp luật quy định về TTHC đảm bảo theo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định trong Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015, cụ thể: *Quyết định số 02/2018/QĐ-UBND ngày 10/01/2018 ban hành Quy định về cấp giấy phép đối với các hoạt động liên quan đến đê điều trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 03a/2018/QĐ-UBND ngày 12/01/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về tổ chức quản lý hoạt động kinh doanh vận tải hành khách trong các khu du lịch và bến khách ngang sông trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 44/2015/QĐ-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2015 của UBND tỉnh.*

*(Số liệu cụ thể tại Biểu số 01b/VPCP/KSTT, Biểu số 02c/VPCP/KSTT).*

##### 2. Về công bố, công khai và nhập dữ liệu TTHC vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC:

- *Công bố Danh mục TTHC:* Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 23 quyết định công bố danh mục 765 TTHC mới ban hành, 137 TTHC được sửa đổi, bổ sung, 36 TTHC thay thế và 176 TTHC bị bãi bỏ, trong đó:

+ *Đối với cấp tỉnh:* Ban hành 19 quyết định công bố 368 TTHC mới ban hành, 137 TTHC được sửa đổi, bổ sung, 36 TTHC thay thế và 176 TTHC bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của 13 sở, ngành: Nội vụ, Tư pháp, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Thông tin và Truyền thông, Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Khoa học và Công nghệ, Y tế, Ngoại vụ và Thanh tra tỉnh.

+ *Đối với cấp huyện:* Ban hành 02 quyết định công bố danh mục 282 TTHC mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện và một số cơ quan hoạt động trên địa bàn cấp huyện của tỉnh.

+ *Đối với cấp xã:* Ban hành 02 quyết định công bố danh mục 115 TTHC mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã.

- *Công bố TTHC*: Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 06 quyết định công bố 268 TTHC mới ban hành, 10 TTHC sửa đổi, bổ sung và 08 TTHC bị bãi bỏ, trong đó:

+ Đối với cấp tỉnh: Ban hành 04 quyết định công bố 256 TTHC mới ban hành, 10 TTHC được sửa đổi, bổ sung và 08 TTHC bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của 04 Sở: Kế hoạch và Đầu tư; Công Thương; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Văn hóa - Thể thao và Du lịch.

+ Đối với cấp huyện: Ban hành 01 quyết định công bố 07 TTHC trong lĩnh vực kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh.

+ Đối với cấp xã: Ban hành 01 quyết định công bố 05 TTHC trong lĩnh vực kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh.

- *Công bố Danh mục TTHC thực hiện tại Bộ phận Một cửa của các cấp*:

+ Cấp tỉnh: Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 03 quyết định phê duyệt Danh mục 1.319 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của 16 Sở: Nội vụ, Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Thông tin và Truyền thông, Lao động - Thương binh và Xã hội, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Khoa học và Công nghệ, Giáo dục và Đào tạo, Y tế và Ngoại vụ đưa vào thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (*Quyết định số: 378/QĐ-UBND ngày 05/3/2018, 907/QĐ-UBND ngày 08/6/2018, 2267/QĐ-UBND ngày 10/12/2018*); trong đó phê duyệt 240 TTHC thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4.

+ Cấp huyện: Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 03 quyết định phê duyệt danh mục TTHC đưa vào thực hiện tại Trung tâm hành chính công huyện: Sơn Hà (*Quyết định số 542/QĐ-UBND ngày 04/4/2018*), Đức Phổ (*Quyết định số 502/QĐ-UBND ngày 02/4/2018*), thành phố Quảng Ngãi (*Quyết định số 673/QĐ-UBND ngày 03/5/2018*). Thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP, Chủ tịch UBND tỉnh công bố Danh mục 249 TTHC thực hiện tiếp nhận và 32 TTHC không tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết tại Bộ phận Một cửa của UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (*Quyết định số 1995/QĐ-UBND ngày 07/11/2018*).

+ Cấp xã: Thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP, Chủ tịch UBND tỉnh công bố Danh mục 145 TTHC thực hiện tiếp nhận và 07 TTHC không tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết tại Bộ phận Một cửa của UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (*Quyết định số 2040/QĐ-UBND ngày 16/11/2018*).

- *Công khai TTHC*:

+ Các TTHC sau khi được Chủ tịch UBND tỉnh công bố, đều đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh; các sở, ban, ngành, địa phương đăng tải trên trang thông tin của đơn vị mình và thực hiện niêm yết công khai TTHC tại nơi tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết (cách thức niêm yết chủ yếu thực hiện trên bảng treo tường). Bên cạnh niêm yết TTHC, các cơ quan, đơn vị và địa phương thực hiện niêm yết bảng tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của người dân về quy định

hành chính để đảm bảo quyền được phản ánh, kiến nghị của người dân khi thực hiện TTHC.

+ Văn phòng UBND tỉnh chủ động phối hợp Trung tâm Công báo - Tin học đăng tải toàn bộ các quyết định công bố TTHC, công bố danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của sở, ban ngành; danh mục TTHC và nội dung cụ thể của gần 400 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, cấp xã lên Cổng thông tin điện tử UBND tỉnh tại mục “*Tuyên truyền cải cách hành chính*”.

- *Nhập dữ liệu TTHC vào cơ sở dữ liệu quốc gia*: Thực hiện nhập, đăng tải công khai kịp thời TTHC được công bố vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, cụ thể: tích hợp, nhập sửa đổi, bổ sung thông tin của 938 TTHC và đăng nhập 278 TTHC vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC.

*(Số liệu cụ thể tại Biểu số 03b/VPCP/KSTT).*

### **3. Về tình hình và kết quả giải quyết TTHC:**

- Tổng số hồ sơ giải quyết TTHC của 03 cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh là **862.000** hồ sơ (*theo số liệu thống kê của 18/18 sở, ban ngành; 11/14 huyện, thành phố*). Trong đó, số hồ sơ mới tiếp nhận: 845.608 hồ sơ; số hồ sơ từ kỳ báo cáo trước chuyển qua: 14.288 hồ sơ; số mới tiếp nhận trực tuyến: 2.104 hồ sơ.

- Kết quả giải quyết TTHC:

+ Số hồ sơ đã giải quyết là **855.805** hồ sơ. Trong đó, số hồ sơ giải quyết đúng hạn là 854.924 hồ sơ, số hồ sơ bị quá hạn là 881 hồ sơ.

+ Số hồ sơ đang giải quyết là **6.195** hồ sơ. Trong đó, số hồ sơ chưa đến hạn: 5.907 hồ sơ, số hồ sơ đã quá hạn: 288 hồ sơ.

+ Số hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa: **768.719** hồ sơ. Trong đó, số hồ sơ giải quyết đúng hạn là 762.171 hồ sơ, số hồ sơ bị quá hạn là 1.632 hồ sơ và số hồ sơ đang giải quyết: 4.916 hồ sơ.

- Tình hình triển khai dịch vụ công trực tuyến: UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 5109/UBND-KGVX ngày 24/8/2018 đôn đốc các sở, ban ngành, UBND các huyện, thành phố tập trung triển khai thực hiện nghiêm túc và hiệu quả các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại 02 Quyết định số: 846/QĐ-TTg ngày 09/6/2017, 877/QĐ-TTg ngày 18/7/2018. Về kết quả, đã tiếp nhận, giải quyết 62 hồ sơ trực tuyến, gồm: 37 hồ sơ về lĩnh vực thủy sản thực hiện mức độ 3, 25 hồ sơ về lĩnh vực lý lịch tư pháp thực hiện mức độ 4.

*(Số liệu cụ thể tại Biểu số 06đ/VPCP/KSTT/KTTH, Biểu số 06g/VPCP/KSTT).*

### **4. Về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về TTHC:**

Năm 2018, tiếp nhận và chuyển xử lý hơn 150 phản ánh về hành vi hành chính liên quan đến lĩnh vực: đất đai, tranh chấp đất đai, hộ tịch, chứng thực, khen thưởng và đã xử lý xong; đã chủ động xử lý nhanh nhiều trường hợp thông qua đường dây nóng kết nối với người làm đầu mối kiểm soát TTHC, người đứng đầu

tại các cơ quan, đơn vị để giải quyết ngay tại chỗ, góp phần rút ngắn thời gian giải quyết phản ánh cho công dân và hạn chế phát sinh đơn thư phản ánh.

*(Số liệu cụ thể tại Biểu số 05b/VPCP/KSTT).*

### **5. Về tình hình rà soát, đánh giá TTHC:**

- Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 30/01/2018 rà soát, đánh giá TTHC năm 2018, trong đó xác định 06 nhóm quy định, TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết các cấp chính quyền địa phương và giao trách nhiệm cho các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện, cấp xã tổ chức triển khai thực hiện và yêu cầu các sở, ban ngành, UBND các huyện, thành phố khẩn trương xây dựng kế hoạch rà soát cụ thể phù hợp với tình hình, điều kiện thực tế của từng cơ quan, đơn vị và địa phương gắn với mục tiêu cắt giảm tối thiểu 10% chi phí tuân thủ TTHC mà cá nhân, tổ chức phải bỏ ra khi thực hiện TTHC và phấn đấu rút ngắn 30% thời gian giải quyết TTHC so với khung thời gian quy định chung của Trung ương.

- Qua rà soát, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 05 quyết định phê duyệt Danh mục TTHC được rút ngắn thời gian giải quyết từ 30 - 60% so với quy định pháp luật đối với 204 TTHC trong 20 lĩnh vực (*báo chí và truyền hình, xuất bản và hoạt động in, thông tin điện tử, bưu chính và chuyển phát (thông tin và truyền thông), điện, xúc tiến thương mại (công thương), xây dựng, y tế, nông nghiệp và phát triển nông thôn, hóa chất, đường bộ, đường thủy nội địa, thăm định dự án, thiết kế, dự toán công trình giao thông, an toàn thực phẩm, vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ, kinh doanh khí, lưu thông hàng hóa trong nước, tiêu chuẩn đo lường chất lượng, năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ hạt nhân, hoạt động khoa học và công nghệ*) thuộc thẩm quyền giải quyết của 07 Sở: Thông tin và Truyền thông, Công Thương, Xây dựng, Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Khoa học và Công nghệ.

Bên cạnh đó, tham mưu UBND tỉnh đã thống nhất việc thực hiện rút ngắn thời gian giải quyết đối với một số thủ tục thuộc thẩm quyền quản lý, giải quyết của Công an tỉnh áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, cụ thể: Thủ tục cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự (từ 05 ngày làm việc xuống còn 03 ngày làm việc); thủ tục cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự (rút ngắn thời gian giải quyết từ 04 ngày làm việc xuống còn 02 ngày làm việc) (*Công văn số 1183/UBND-KSTTHC ngày 08/3/2018*).

*(Số liệu cụ thể tại Biểu số 04b/VPCP/KSTT).*

### **6. Về công tác truyền thông hỗ trợ hoạt động kiểm soát TTHC:**

- Thực hiện Kế hoạch truyền thông về hoạt động kiểm soát TTHC năm 2018 trên địa bàn tỉnh (*Kế hoạch số 37/KH-UBND ngày 13/3/2018, Kế hoạch số 95/KH-UBND ngày 27/6/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh*), các sở, ban ngành và địa phương đã ban hành, triển khai thực hiện kế hoạch truyền thông để tuyên truyền các nội dung về cải cách hành chính, cải cách TTHC tại cơ quan, địa phương mình; Công thông tin điện tử UBND tỉnh, Trang thông tin điện tử của các sở, ban ngành và địa phương, Đài Phát thanh và Truyền hình Quảng Ngãi, Báo Quảng Ngãi đã đưa nhiều tin, bài, phóng sự phản ánh, tuyên truyền về công tác kiểm soát

TTHC, công tác cải cách hành chính, cải cách TTHC, ví dụ như chuyên mục “*Tuổi trẻ chung tay cải cách hành chính; Cải cách hành chính, thu hút đầu tư*”.

Bên cạnh đó, Văn phòng UBND tỉnh đã phối hợp với các cơ quan thông tấn báo chí đưa tin và thực hiện chuyên mục tuyên truyền về hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ngãi và Trung tâm hành chính công của 03 huyện, thành phố: Sơn Hà, Đức Phổ, thành phố Quảng Ngãi, việc triển khai kế hoạch thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ của UBND tỉnh.

### **7. Về công tác kiểm tra hoạt động kiểm soát TTHC:**

Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 31/KH-UBND ngày 05/3/2018 kiểm tra hoạt động kiểm soát TTHC năm 2018 trên địa bàn tỉnh, trong đó, giao cho Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp một số sở, ban, ngành tổ chức thành lập đoàn kiểm tra định kỳ về hoạt động kiểm soát TTHC, thành lập Đoàn kiểm tra đột xuất hoạt động tiếp nhận, giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và tổ chức thực hiện việc kiểm tra theo đúng quy định tại Quyết định số 401/QĐ-UBND ngày 16/12/2015 của UBND tỉnh (*được thay thế bởi Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 14/11/2018*) và quy định pháp luật hiện hành, cụ thể như sau:

a) **Về kiểm tra định kỳ:** Văn phòng UBND tỉnh đã thành lập đoàn kiểm tra, tiến hành kiểm tra định kỳ 04 cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh. Qua kiểm tra, đã phát hiện và kịp thời kiến nghị khắc phục, xử lý nhiều sai sót trong công tác kiểm soát TTHC như: giải quyết TTHC quá hạn, tự ý thu thêm nhiều văn bản, giấy tờ và tự ý đặt ra yêu cầu điều kiện trong giải quyết TTHC; đặt ra TTHC ngoài quy định... Bên cạnh việc tổ chức kiểm tra, đã thực hiện tốt việc theo dõi, đôn đốc các cơ quan, địa phương được kiểm tra thực hiện xử lý, khắc phục sai sót được nêu trong các kết luận kiểm tra.

b) **Về kiểm tra đột xuất:** Thực hiện ý kiến chỉ đạo Chủ tịch UBND tỉnh (*Thông báo kết luận số 168/TB-UBND ngày 06/6/2018*), Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức kiểm tra, hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ. Qua kiểm tra thực tế, Đoàn công tác đã hướng dẫn các địa phương thành lập, hoàn thiện và tổ chức thực hiện Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả theo đúng quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.

### **8. Về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC:**

Triển khai thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ, UBND tỉnh đã có văn bản chỉ đạo các sở, ban ngành và địa phương thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP (*Công văn số 3526/UBND-KSTTHC ngày 19/6/2018*); triển khai Quyết định số 985/QĐ-TTg ngày 08/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong

giải quyết TTHC (*Quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 06/9/2018*), trong đó xác định cụ thể các nội dung công việc, thời hạn, tiến độ hoàn thành và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị và địa phương có liên quan trong việc triển khai Nghị định số 61/2018/NĐ-CP để tạo ra sự đột phá trong việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức nhanh chóng, tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện, góp phần cải thiện môi trường kinh doanh của tỉnh, nâng cao chỉ số cải cách hành chính của tỉnh trong những năm tới và triển khai Thông tư số 01/2018/TT-VPCP, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1179/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 về việc quy định sử dụng biểu mẫu trong quy trình giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh.

Đồng thời, UBND tỉnh ban hành Quy chế về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (*Quyết định số 33/2018/QĐ-UBND ngày 18/10/2018*) và hướng dẫn, đôn đốc các sở, ban ngành và UBND cấp huyện triển khai thực hiện quyết định số 33/2018/QĐ-UBND ngày 18/10/2018 của UBND tỉnh (*Công văn số 1376/VP-KSTTHC ngày 22/10/2018*). Thực hiện Chỉ thị số 30/CT-TTg ngày 30/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Chỉ thị số 19/CT-UBND ngày 07/12/2018 về nâng cao chất lượng giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

**a) Về hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ngãi (Trung tâm):**

- UBND tỉnh đã thành lập, bố trí địa điểm làm việc, vận hành Trung tâm đi vào hoạt động kể từ ngày 04/4/2018 và đưa vào tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết 530 TTHC thuộc thẩm quyền của 05 Sở ở giai đoạn đầu và ngày 11/6/2018, bổ sung 273 TTHC của 03 Sở: Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Thông tin và Truyền thông vào thực hiện tại Trung tâm. Kể từ ngày 04/01/2019, Trung tâm chính thức đưa vào tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết hơn 1.319 TTHC thuộc thẩm quyền của 16 sở thuộc UBND tỉnh.

- Trung tâm bố trí 01 quầy tư vấn, hướng dẫn tổ chức, công dân về TTHC; 02 quầy tra cứu kết quả, tiến độ giải quyết hồ sơ TTHC; 02 máy lấy số tự động; 01 máy photocopy hỗ trợ phôtô giấy tờ miễn phí cho tổ chức, công dân; 01 kiot Bưu điện thực hiện việc nhận, chuyển phát hồ sơ, chuyển trả kết quả giải quyết thủ tục theo yêu cầu người dân; 01 kiot thu hộ phí, lệ phí của Ngân hàng Vietcombank, giúp tổ chức, công dân thuận tiện khi đến thực hiện TTHC. Tất cả hồ sơ, quy trình giải quyết TTHC đều được công khai tại Trung tâm và trên Cổng thông tin điện tử (<https://motcua.quangngai.gov.vn>); Trung tâm đưa vào ứng dụng các tiện ích để nâng cao chất lượng phục vụ người dân, tổ chức như tra cứu tiến độ giải quyết hồ sơ nhanh qua mạng Zalo, gửi tin nhắn SMS, nhắn tin thông báo tự động từ tổng đài của Trung tâm khi có kết quả giải quyết trước hạn hoặc quá hạn, đề nghị bổ sung hồ sơ.

- Để góp phần rút ngắn thời gian giải quyết các TTHC liên thông thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh trong lĩnh vực: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường..., Văn phòng UBND tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành quy trình kiểm soát nội bộ, thống nhất tất cả thủ tục liên thông trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đều chuyển về Trung tâm để tham

muu trình và trả kết quả cho tổ chức, doanh nghiệp (*Công văn số 605/VP-HCC ngày 10/5/2018*).

**b) Bộ phận Một cửa của UBND cấp huyện, cấp xã:**

- Thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP, Quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 06/9/2018 và Quyết định số 33/2018/QĐ-UBND ngày 18/10/2018, Chủ tịch UBND tỉnh công bố Danh mục TTHC thực hiện tiếp nhận và không tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết tại Bộ phận Một cửa của UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh và Danh mục TTHC thực hiện tiếp nhận và không tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết tại Bộ phận Một cửa của UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh.

- Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo các địa phương thành lập, hoàn thiện và tổ chức thực hiện Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả theo đúng quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ (bao gồm Trung tâm hành chính công của 03 huyện, thành phố: Đức Phổ, Sơn Hà và thành phố Quảng Ngãi).

**9. Về tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ khác:**

- Về ban hành văn bản thực hiện các nhiệm vụ được giao kiểm soát TTHC:

+ UBND tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành đầy đủ các văn bản để chỉ đạo, điều hành hoạt động kiểm soát TTHC năm 2018 trên địa bàn tỉnh như: Kế hoạch hoạt động kiểm soát TTHC năm 2018 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (*Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 30/01/2018*); Kế hoạch kiểm tra hoạt động kiểm soát TTHC năm 2018 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (*Kế hoạch số 31/KH-UBND ngày 05/3/2018*); Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC năm 2018 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (*Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 30/01/2018*) và Kế hoạch truyền thông về hoạt động kiểm soát TTHC năm 2018 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (*Kế hoạch số 37/KH-UBND ngày 13/3/2018*).

+ Triển khai thực hiện Quyết định số 53/QĐ-BCĐCCHC ngày 13/02/2018 của Trưởng Ban chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 652/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 ban hành Chương trình thực hiện Kế hoạch hoạt động năm 2018 của Ban chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ.

+ UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ban ngành và địa phương thực hiện các nhiệm vụ của Trung ương giao như: Áp dụng công cụ rà soát, đánh giá điều kiện kinh doanh theo tiêu chuẩn và thông lệ của Tổ chức hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) (*Công văn số 236/UBND-KSTTHC ngày 15/01/2018*); triển khai các nhiệm vụ theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích (*Công văn số 1167/UBND-KSTTHC ngày 07/3/2018*); thực hiện kết luận của Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Trương Hòa Bình, Trưởng Ban chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ tại Thông báo số 78/TB-VPCP ngày 27/02/2018 (*Công văn số 1262/UBND-KSTTHC ngày 13/3/2018*); triển khai Kế hoạch đo lường sự hài lòng quốc gia năm 2018 theo Kế hoạch số 496/KH-BNV ngày 01/02/2018 của Bộ Nội vụ (*Công văn số 1267/UBND-KSTTHC ngày 13/3/2018*) và hướng dẫn công bố TTHC, công bố danh mục TTHC và niêm yết TTHC, niêm yết thông báo tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính (*Công văn số 1735/VP-*

*KSTTHC ngày 25/12/2017*); việc báo cáo định kỳ tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát TTHC (*Công văn số 337/VP-KSTTHC ngày 15/3/2018*). Đồng thời, tham gia góp ý các dự thảo văn bản do Văn phòng Chính phủ, các Bộ, ngành liên quan đến hoạt động kiểm soát TTHC, cải cách TTHC, dịch vụ công trực tuyến...

- Kiện toàn hệ thống cán bộ, công chức làm đầu mối thực hiện nhiệm vụ kiểm soát TTHC trên địa bàn tỉnh cho phù hợp với việc thay đổi chức năng, nhiệm vụ kiểm soát TTHC từ cơ quan tư pháp sang Văn phòng UBND tỉnh (*Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 07/3/2018*).

- Về chỉ đạo, kiểm điểm trách nhiệm trong việc Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh bị xếp hạng 63/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, UBND tỉnh đã tổ chức 02 cuộc họp để làm rõ nguyên nhân và đề ra giải pháp khắc phục cụ thể tại Thông báo kết luận số 168/TB-UBND ngày 06/6/2018 của đồng chí Trần Ngọc Căng, Chủ tịch UBND tỉnh tại buổi làm việc với các cơ quan liên quan đến kết quả tham mưu thực hiện các nội dung về Chỉ số cải cách hành chính (Par Index) năm 2017 và Thông báo kết luận số 185/TB-UBND ngày 19/6/2018 của đồng chí Trần Ngọc Căng, Chủ tịch UBND tỉnh Trưởng ban Chỉ đạo cải cách hành chính và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh tỉnh Quảng Ngãi và Kế hoạch số 93/KH-UBND ngày 21/6/2018 thực hiện nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm nhằm cải thiện Chỉ số cải cách hành chính năm 2018 của tỉnh Quảng Ngãi.

- Về thực hiện Đề án đơn giản hóa chế độ báo cáo trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước:

Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành Quyết định số 1966/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 phê duyệt Danh mục chế độ báo cáo định kỳ thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi để làm cơ sở cho việc rà soát, đơn giản hóa; UBND tỉnh chỉ đạo Văn phòng UBND tỉnh hướng dẫn, đôn đốc các sở, ban ngành và địa phương thực hiện rà soát và xây dựng phương án đơn giản hóa chế độ báo cáo theo hướng dẫn của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ tại Công văn số 7735/VPCP-KSTT (*Công văn số 277/VP-KSTTHC ngày 01/3/2018*). Hiện nay, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1221/QĐ-UBND ngày 31/7/2018 phê duyệt phương án đơn giản hóa chế độ báo cáo định kỳ thuộc thẩm quyền ban hành, thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi Chính phủ ban hành Nghị định về chế độ báo cáo, UBND tỉnh sẽ ban hành văn bản quy định về chế độ báo cáo định kỳ hoặc hướng dẫn chế độ báo cáo định kỳ trên địa bàn tỉnh.

Đồng thời, UBND tỉnh tham gia góp ý dự thảo Nghị định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước theo yêu cầu của Văn phòng Chính phủ (*Công văn số 4916/UBND-KSTTHC ngày 17/08/2018*).

- Về triển khai thực hiện Đề án thực hiện liên thông các TTHC: Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất/hỗ trợ chi phí mai táng/hưởng mai táng phí (*Quyết định số 1380/QĐ-TTg ngày 18/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ*): UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp triển khai thực hiện liên thông các TTHC: Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất/hỗ trợ chi phí mai táng/hưởng mai táng phí trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (*Quyết định số 1215/QĐ-UBND ngày 28/12/2018*), trong đó quy định nội dung,



nguyên tắc, hình thức, trách nhiệm phối hợp và xác định rõ thời gian phối hợp giải quyết của các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan trong việc triển khai thực hiện liên thông các TTHC này.

## **II. Đánh giá về tình hình, kết quả hoạt động kiểm soát TTHC năm 2018**

### **1. Đánh giá chung:**

- Trong năm 2018, tỉnh Quảng Ngãi tiếp tục xác định cải cách hành chính, nhất là cải cách TTHC là nhiệm vụ trọng tâm, vì vậy đã ban hành kịp thời, đầy đủ các văn bản để nâng cao hiệu quả hoạt động kiểm soát TTHC, cải cách TTHC, chỉ số cải cách hành chính, như: Quy định trách nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính (*Quyết định số 19/2018/QĐ-UBND ngày 10/8/2018*); Quy chế về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC (*Quyết định số 33/2018/QĐ-UBND ngày 18/10/2018*); Quy chế phối hợp tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính (*Quyết định số 36/2018/QĐ-UBND ngày 21/11/2018*); yêu cầu sở, ban ngành và địa phương nâng cao chất lượng giải quyết TTHC (*Chỉ thị số 19/CT-UBND ngày 07/12/2018*) và quy định sử dụng biểu mẫu trong quy trình giải quyết TTHC (*Quyết định số 1179/QĐ-UBND ngày 21/12/2018*).

- Thành lập, bố trí địa điểm làm việc, vận hành Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để đưa vào tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết hầu hết TTHC thuộc thẩm quyền của 16 sở thuộc UBND tỉnh. Đồng thời, kiện toàn lại hoạt động của Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã thông qua việc phê duyệt áp dụng thống nhất Danh mục TTHC tại Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã; đưa vào áp dụng phần mềm một cửa liên thông để phục vụ cho công tác theo dõi, kiểm soát việc giải quyết TTHC.

- Việc công bố danh mục TTHC mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ TTHC theo quy định mới tại Thông tư số 02/2017/TT-VPCP được thực hiện kịp thời. Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh về TTHC tiếp tục được thực hiện có hiệu quả. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ngãi bước đầu đi vào vận hành và hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giải quyết TTHC, chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

### **2. Khó khăn, vướng mắc:**

- Kiến nghị Văn phòng Chính phủ phối hợp các Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính sớm hướng dẫn, ban hành chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận một cửa và mức chi phục vụ các hoạt động thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC (*theo Kế hoạch tại Quyết định số 985/QĐ-TTg thời gian hoàn thành trong Quý IV/2018*).

- Đề nghị Văn phòng Chính phủ phối hợp có giải pháp hỗ trợ tỉnh kết nối, đồng bộ Phần mềm một cửa điện tử của tỉnh với các phần mềm đang thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của một số Bộ, ngành Trung ương để góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và chất lượng giải quyết TTHC của địa phương, cụ thể: Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Quản lý lý

**lich tư pháp** của Bộ Tư pháp; **Quản lý vận tải** của Bộ Giao thông vận tải (UBND tỉnh đã có kiến nghị tại Công văn số 7046/UBND-HCC ngày 19/11/2018).

- Kiến nghị Văn phòng Chính phủ phối hợp các Bộ, ngành có liên quan sớm đề xuất Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng tại địa phương đưa vào tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Một cửa cấp huyện, để tránh lãng phí trong việc bố trí địa điểm, trang thiết bị, phương tiện làm việc tại Bộ phận Một cửa trong năm 2019 của các cơ quan ngành dọc đóng tại địa phương.

### **III. Một số nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2019**

Trong năm 2019, UBND tỉnh Quảng Ngãi tập trung vào những nhiệm vụ trọng tâm như sau:

1. Tiếp tục sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động kiểm soát TTHC trên địa bàn tỉnh phù hợp với quy định hiện hành của Trung ương.

2. Tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước về kiểm soát TTHC như: Kiểm soát chặt chẽ việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật quy định TTHC; rà soát, đánh giá, kiến nghị đơn giản hóa quy định pháp luật về TTHC; rà soát rút ngắn 30% thời gian giải quyết TTHC trở lên trong khung thời gian quy định của Trung ương, nhất là TTHC có liên quan trong các lĩnh vực: đầu tư, đất đai, bảo vệ môi trường, xây dựng, sở hữu nhà ở, quản lý thị trường, thuế, y tế...; rà soát, đánh giá sự phù hợp của TTHC và các quy định có liên quan đến TTHC với triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 và kế hoạch triển khai để tăng tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, ít nhất 30% số dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền ở cấp độ 4 trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh phương thức tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích.

3. Tăng cường kiểm tra việc thực hiện tiếp nhận, giải quyết TTHC trên một số lĩnh vực đất đai, xây dựng, hộ tịch, cấp giấy phép, đặc biệt là kiểm tra đột xuất nhằm khắc phục kịp thời các tiêu cực gây khó khăn, phiền hà cho người dân và doanh nghiệp.

4. Duy trì và vận hành hiệu quả hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ngãi và Bộ phận Một cửa của UBND cấp huyện, cấp xã theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, cụ thể: Theo dõi, kiểm soát tốt hoạt động tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh tại Trung tâm, phân đầu khắc phục giảm tỷ lệ hồ sơ giải quyết trễ hẹn, quá hạn ở mức 2% trở lại; tăng tỷ lệ hồ sơ thực hiện qua dịch vụ trực tuyến mức 3, mức 4; thực hiện kết nối hoạt động của Bộ phận Một cửa cấp huyện vào hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh để phục vụ cho công tác theo dõi, chỉ đạo, điều hành của tỉnh, hướng đến kết nối với Bộ phận Một cửa cấp xã; bổ sung việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC của một số cơ quan được tổ chức theo ngành dọc, TTHC được Trung ương phân cấp cho địa phương quyết định hoặc tiếp nhận hộ, TTHC thực hiện liên thông vào thực hiện tại Trung tâm; hoàn thiện cơ chế, chính sách, điều kiện hoạt động của Trung tâm hành chính công tỉnh theo quy định

của Trung ương và theo dõi, đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân đến thực hiện TTHC tại Trung tâm.

5. Tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đưa các TTHC thuộc lĩnh vực đất đai liên quan đến hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi đưa vào tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (*hướng đến phi địa giới hành chính*); triển khai thực hiện số hóa đối với các TTHC có thành phần hồ sơ đơn giản có khả năng xử lý trên thiết bị Scan, các cơ quan chuyên môn khi nhận hồ sơ điện tử có trách nhiệm thực hiện ngay không phải chờ hồ sơ, văn bản giấy; quy định sử dụng, thanh toán hóa đơn điện tử trong việc thu phí, lệ phí giải quyết TTHC; triển khai áp dụng chữ ký số trong quy trình giải quyết TTHC; kết hợp với Bưu điện văn hóa xã thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4.

6. Xây dựng quy trình nội bộ, quy trình điện tử trong giải quyết TTHC và thực hiện đánh giá chất lượng việc giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP, Thông tư số 01/2018/TT-VPCP. Hoàn thành ban hành văn bản quy định về chế độ báo cáo định kỳ hoặc hướng dẫn chế độ báo cáo định kỳ trên địa bàn tỉnh theo quy định của Chính phủ.

Trên đây là báo cáo tình hình và kết quả thực hiện hoạt động kiểm soát TTHC năm 2018 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, kính báo cáo Văn phòng Chính phủ theo dõi, tổng hợp./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm soát TTHC-VPCP;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Nội chính TƯ;
- Các Sở: Tư pháp, Nội vụ, Thông tin và Truyền thông;
- VPUB: CVP, PCVP, TH, NC, HCC, CBTH;
- Lưu: VT, KSTTHC(latin89).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tăng Bính**



**Biểu số 02c/VPCP/KSTT**  
Ban hành theo Thông tư số 02/2017/TT-  
VPCP ngày 31/10/2017.

**KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH VỀ TTHC QUY ĐỊNH TRONG  
CÁC DỰ ÁN/ DỰ THẢO VBQPPL TẠI ĐỊA PHƯƠNG**

**Kỳ báo cáo: Năm 2018**  
(Từ ngày 15/12/2017 đến ngày 15/12/2018)

**Đơn vị báo cáo:**  
UBND tỉnh Quảng Ngãi (Văn  
phòng UBND tỉnh).  
**Đơn vị nhận báo cáo:**  
Văn phòng Chính phủ (Cục  
Kiểm soát TTHC).

*Đơn vị tính: TTHC, văn bản*

STT	Đơn vị thực hiện	Tổng số		Phân loại theo tên VBQPPL			
				Dự thảo Quyết định của UBND		Dự thảo Nghị quyết của HĐND	
		Số TTHC	Số VB QPPL	Số TTHC	Số VB QPPL	Số TTHC	Số VB QPPL
	A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<b>Tổng số</b>						
<b>1</b>		0	0	0	0	0	0

Biểu số 03b/VPCP/KSTT

Ban hành theo Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017.

**SỐ TTHC, VBQPPL ĐƯỢC CÔNG BỐ,  
CÔNG KHAI TẠI ĐỊA PHƯƠNG**

Kỳ báo cáo: Năm 2018

(Từ ngày 15/12/2017 đến ngày 15/12/2018)

Đơn vị báo cáo:

UBND tỉnh Quảng Ngãi (Văn phòng UBND tỉnh).

Đơn vị nhận báo cáo:

Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC).

Đơn vị tính: TTHC, văn bản

STT	Đơn vị thực hiện	Công bố danh mục TTHC			Số lượng quyết định công bố TTHC đã ban hành	Số VBQPPL, TTHC được công bố					Số VBQPPL, TTHC đã được công khai/không công khai			
		Số lượng quyết định công bố danh mục TTHC	Số lượng TTHC công bố áp dụng tại địa phương	Số lượng TTHC đã được tích hợp dữ liệu và nhập sửa đổi, bổ sung thông tin trên CSDLQG		Số VBQP PL	Số TTHC			VBQPPL		TTHC		
							Tổng số	Chia ra		Ban hành mới hoặc sửa đổi bổ sung (công khai)	Hủy bỏ hoặc bãi bỏ (không công khai)	Ban hành mới hoặc sửa đổi bổ sung (công khai)	Hủy bỏ hoặc bãi bỏ (không công khai)	
								Số TTHC quy định mới	Số TTHC được sửa đổi, bổ sung					Số TTHC hủy bỏ, bãi bỏ
A			(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		
	<b>Tổng số</b>	<b>23</b>	<b>1114</b>	<b>938</b>	<b>6</b>	<b>0</b>	<b>286</b>	<b>268</b>	<b>10</b>	<b>8</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>278</b>	<b>184</b>
1	Sở Nội vụ	02	60	44	0	0	0	0	0	0	0	0	0	16
2	Sở Tư pháp	03	58	46	0	0	0	0	0	0	0	0	0	12
3	Sở Kế hoạch và Đầu tư	0	0	0	01	0	138	138	0	0	0	0	138	0
4	Sở Công thương	02	159	96	01	0	26	8	10	8	0	0	18	71
5	Sở Nông nghiệp và Phát triển	01	105	97	01	0	03	03	0	0	0	0	03	08

	nông thôn													
6	Sở Giao thông vận tải	02	30	26	0	0	0	0	0	0	0	0	0	04
7	Sở Xây dựng	01	16	11	0	0	0	0	0	0	0	0	0	05
8	Sở Tài nguyên và Môi trường	01	09	09	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9	Sở Thông tin và Truyền thông	01	40	40	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10	Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch	01	31	25	01	0	107	107	0	0	0	0	107	06
11	Sở Khoa học và Công nghệ	01	62	62	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
12	Sở Y tế	02	139	77	0	0	0	0	0	0	0	0	0	62
13	Sở Ngoại vụ	01	03	03	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
14	Thanh tra tỉnh	01	05	05	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
15	UBND cấp huyện	02	282	282	01	0	07	07	0	0	0	0	07	0
16	UBND cấp xã	02	115	115	01	0	05	05	0	0	0	0	05	0

**Biểu số 04b/VPCP/KSTT**

Ban hành theo Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017.

**KẾT QUẢ RÀ SOÁT, ĐƠN GIẢN HÓA  
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI ĐỊA PHƯƠNG**

Kỳ báo cáo: Năm 2018

(Từ ngày 15/12/2017 đến ngày 15/12/2018)

**Đơn vị báo cáo:**

UBND tỉnh Quảng Ngãi (Văn phòng UBND tỉnh).

**Đơn vị nhận báo cáo:**

Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC).

*Đơn vị tính: TTHC/nhóm TTHC, văn bản*

STT	Tên TTHC hoặc tên nhóm TTHC trong Kế hoạch rà soát	Phương án rà soát thuộc thẩm quyền thực thi					Phương án rà soát đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền thực thi					Tỷ lệ chi phí tiết kiệm được Số TTHC
		Số lượng VBQP PL được rà soát	Số TTHC			Số lượng VBQP PL được rà soát	Số lượng VBQPPL được rà soát					
			Tổng số	Chia ra			Tổng số	Chia ra				
				Số TTHC sửa đổi	Số TTHC quy định mới			Số TTHC cắt giảm	Số TTHC sửa đổi	Số TTHC quy định mới	Số TTHC cắt giảm	
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	
	<b>Tổng số</b>	0	0	206	0	0	0	0	0	0	0	0
<b>I</b>	<b>Thực hiện theo Kế hoạch rà soát của UBND cấp tỉnh</b>	0	0	204	0	0	0	0	0	0	0	0
	<b>Tổng số</b>	0	0	204	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Lĩnh vực báo chí và truyền hình	0	0	13	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Lĩnh vực xuất bản và hoạt động in	0	0	16	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Lĩnh vực về thông tin điện tử	0	0	05	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Lĩnh vực bưu chính, chuyển phát	0	0	06	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Lĩnh vực điện	0	0	03	0	0	0	0	0	0	0	0



6	Lĩnh vực xúc tiến thương mại	0	0	02	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Lĩnh vực xây dựng	0	0	17	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Lĩnh vực y tế	0	0	28	0	0	0	0	0	0	0	0
9	Lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn	0	0	39	0	0	0	0	0	0	0	0
10	Lĩnh vực hóa chất	0	0	09	0	0	0	0	0	0	0	0
11	Lĩnh vực đường bộ	0	0	08	0	0	0	0	0	0	0	0
12	Lĩnh vực đường thủy nội địa	0	0	01	0	0	0	0	0	0	0	0
13	Lĩnh vực thẩm định dự án, thiết kế, dự toán	0	0	02	0	0	0	0	0	0	0	0
14	Lĩnh vực an toàn thực phẩm	0	0	09	0	0	0	0	0	0	0	0
15	Lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ	0	0	02	0	0	0	0	0	0	0	0
16	Lĩnh vực kinh doanh khí	0	0	18	0	0	0	0	0	0	0	0
17	Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước	0	0	17	0	0	0	0	0	0	0	0
18	Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng	0	0	03	0	0	0	0	0	0	0	0
19	Lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ hạt nhân	0	0	04	0	0	0	0	0	0	0	0
20	Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ	0	0	02	0	0	0	0	0	0	0	0
<b>II</b>	<b>Thực hiện theo Kế hoạch của Công an tỉnh</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>02</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
I	Thủ tục cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự	0	0	01	0	0	0	0	0	0	0	0

2	Thủ tục cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự	0	0	01	0	0	0	0	0	0	0	0
---	--	---	---	----	---	---	---	---	---	---	---	---

---

Biểu số 05b/VPCP/KSTT

Ban hành theo Thông tư số  
02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017.

**KẾT QUẢ TIẾP NHẬN, XỬ LÝ PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ  
(PAKN) VỀ QUY ĐỊNH HÀNH CHÍNH**

Kỳ báo cáo: Năm 2018

(Từ ngày 15/12/2017 đến ngày 15/12/2018)

Đơn vị báo cáo:

UBND tỉnh Quảng Ngãi (Văn phòng UBND tỉnh).

Đơn vị nhận báo cáo:

Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC).

Đơn vị tính: Số phản ánh, kiến nghị

Ngành, lĩnh vực có PAKN	Số PAKN về quy định hành chính được tiếp nhận (bao gồm kỳ trước chuyển qua)			Kết quả xử lý PAKN về quy định hành chính								Đăng tải công khai kết quả xử lý
	Tổng số	Chia ra		Đã xử lý				Đang xử lý				
		Số PAKN về hành vi hành chính	Số PAKN về nội dung quy định hành chính	Tổng số	Chia theo nội dung PAKN		Chia theo thời điểm tiếp nhận		Tổng số	Chia ra		
					Số PAKN về hành vi hành chính	Số PAKN về nội dung quy định hành chính	Tiếp nhận mới trong kỳ	Kỳ trước chuyển qua		Số PAKN về hành vi hành chính	Số PAKN về nội dung quy định hành chính	
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
<b>TỔNG</b>	<b>151</b>	<b>148</b>	<b>03</b>	<b>151</b>	<b>148</b>	<b>03</b>	<b>151</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
Lĩnh vực đất đai	131	131	0	131	131	0	131	0	0	0	0	0
Lĩnh vực hộ tịch	08	05	03	08	05	03	08	0	0	0	0	0
Tranh chấp đất đai	07	07	0	07	07	0	07	0	0	0	0	0
Lĩnh vực chứng thực	04	04	0	04	04	0	04	0	0	0	0	0
Lĩnh vực khen thưởng	01	01	0	01	01	0	01	0	0	0	0	0

Biểu số 06đ/VPCP/KSTT/KTTH  
Ban hành theo Thông tư số 02/2017/TT-  
VPCP ngày 31/10/2017.

**TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT  
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI ĐỊA PHƯƠNG**

Kỳ báo cáo: Năm 2018  
(Từ ngày 15/12/2017 đến ngày 15/12/2018)

Đơn vị báo cáo:  
UBND cấp tỉnh Quảng Ngãi (Văn  
phòng UBND tỉnh).

Đơn vị nhận báo cáo:  
Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm  
soát TTHC).

Đơn vị tính: Số hồ sơ TTHC

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp	Số hồ sơ nhận giải quyết				Kết quả giải quyết						Số hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa			
		Tổng số	Trong đó			Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			Tổng số	Đã giải quyết		
			Số mới tiếp nhận trực tuyến	Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận (trực tiếp hoặc địch vụ bưu chính)	Tổng số	Trá đúng thời hạn	Trá quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn		Đúng thời hạn	Quá hạn	Đang giải quyết
	<b>Tổng cộng</b>	862.000	2.104	14.288	845.608	855.805	854.924	881	6.195	5.907	288	768.719	762.171	1.632	4.916
A	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp tỉnh	230.698	1.998	8.156	220.544	227.935	227.656	279	2.763	2.668	95	191.640	188.974	259	2.407
I	TTHC do Sở Nội vụ tiếp nhận, giải quyết	3254	0	3	3251	3247	3236	11	7	3	4	0	0	0	0
1	Lĩnh vực tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập	12	0	0	12	12	12	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Lĩnh vực hội, tổ chức	6	0	0	6	6	6	0	0	0	0	0	0	0	0

	phi chính phủ														
3	Lĩnh vực thi đua, khen thưởng	2565	0	0	2565	2565	2565	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Lĩnh vực tôn giáo	46	0	3	43	39	28	11	7	3	4	0	0	0	0
5	Lĩnh vực văn thư, lưu trữ	625	0	0	625	625	625	0	0	0	0	0	0	0	0
<b>II</b>	<b>TTHC do Sở Tư pháp tiếp nhận, giải quyết</b>	<b>12348</b>	<b>22</b>	<b>178</b>	<b>12148</b>	<b>11915</b>	<b>11815</b>	<b>100</b>	<b>433</b>	<b>421</b>	<b>12</b>	<b>5641</b>	<b>5110</b>	<b>100</b>	<b>431</b>
1	Lĩnh vực công chứng	5383	0	0	5383	5383	5383	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Lĩnh vực lý lịch tư pháp	5614	22	178	5414	5184	5084	100	430	418	12	5614	5084	100	430
3	Lĩnh vực thanh tra	97	0	0	97	97	97	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Lĩnh vực trợ giúp pháp lý	1227	0	0	1227	1225	1225	0	2	2	0	0	0	0	0
5	Lĩnh vực hỗ trợ tư pháp	24	0	0	24	23	23	0	1	1	0	24	23	0	1
6	Lĩnh vực nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	2	0	0	2	2	2	0	0	0	0	2	2	0	0
7	Lĩnh vực Quốc tịch	1	0	0	1	1	1	0	0	0	0	1	1	0	0
<b>III</b>	<b>TTHC do Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận, giải quyết</b>	<b>7413</b>	<b>1167</b>	<b>0</b>	<b>6246</b>	<b>7352</b>	<b>7352</b>	<b>0</b>	<b>61</b>	<b>61</b>	<b>0</b>	<b>7409</b>	<b>7352</b>	<b>0</b>	<b>57</b>
1	Lĩnh vực đăng ký kinh doanh	5465	1167	0	4298	5465	5465	0	0	0	0	5465	5465	0	0
2	Lĩnh vực đầu tư	264	0	0	264	207	207	0	57	57	0	264	207	0	57
3	Lĩnh vực thẩm định	215	0	0	215	211	211	0	4	4	0	211	211	0	0

<b>IV</b>	<b>TTHC do Sở Tài chính tiếp nhận và giải quyết</b>	<b>1469</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1469</b>	<b>1469</b>	<b>1469</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1469</b>	<b>1469</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>1</b>	Lĩnh vực thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành	100	0	0	100	100	100	0	0	0	0	100	100	0	0
<b>2</b>	Lĩnh vực cấp mã số dự án	1369	0	0	1369	1369	1369	0	0	0	0	1369	1369	0	0
<b>V</b>	<b>TTHC do Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết</b>	<b>8052</b>	<b>513</b>	<b>0</b>	<b>7539</b>	<b>7539</b>	<b>8041</b>	<b>0</b>	<b>11</b>	<b>11</b>	<b>0</b>	<b>8052</b>	<b>8041</b>	<b>0</b>	<b>11</b>
<b>1</b>	Lĩnh vực thương mại	1	0	0	1	1	1	0	0	0	0	1	1	0	0
<b>2</b>	Lĩnh vực xúc tiến thương mại	7653	513	0	7140	7648	7648	0	5	5	0	7653	7648	0	5
<b>3</b>	Lĩnh vực công nghiệp	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
<b>4</b>	Lĩnh vực an toàn thực phẩm	81	0	0	81	80	80	0	1	1	0	81	80	0	1
<b>5</b>	Lĩnh vực hoá chất	3	0	0	3	3	3	0	0	0	0	3	3	0	0
<b>6</b>	Lĩnh vực điện	63	0	0	63	60	60	0	3	3	0	63	60	0	3
<b>7</b>	Lĩnh vực kinh doanh khí	22	0	0	22	22	22	0	0	0	0	22	22	0	0
<b>8</b>	Lĩnh vực quản lý cạnh tranh	17	0	0	17	17	17	0	0	0	0	17	17	0	0
<b>9</b>	Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước	121	0	0	121	119	119	0	2	2	0	121	119	0	2
<b>10</b>	Lĩnh vực VL NCN và tiền chất thuốc nổ	91	0	0	91	91	91	0	0	0	0	91	91	0	0
<b>VI</b>	<b>TTHC do Sở Nông nghiệp và Phát</b>	<b>10341</b>	<b>4</b>	<b>23</b>	<b>10314</b>	<b>10311</b>	<b>10310</b>	<b>1</b>	<b>30</b>	<b>29</b>	<b>1</b>	<b>11</b>	<b>7</b>	<b>4</b>	<b>0</b>

	<b>triển nông thôn tiếp nhận, giải quyết</b>														
1	Lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật	154	0	7	147	143	143	0	11	11	0	0	0	0	0
2	Lĩnh vực chăn nuôi và thú y	3182	0	0	3182	3180	3180	0	2	2	0	0	0	0	0
3	Lĩnh vực thủy sản	6630	4	0	6626	6625	6625	0	5	5	0	0	0	0	0
4	Lĩnh vực quản lý chất lượng nông, lâm, thủy sản	303	0	16	287	300	300	0	3	3	0	0	0	0	0
5	Lĩnh vực lâm nghiệp	61	0	0	61	52	52	0	9	8	1	6	3	3	0
6	Lĩnh vực thủy lợi	11	0	0	11	11	10	1	0	0	0	5	4	1	0
<b>VII</b>	<b>TTHC do Sở Giao thông vận tải tiếp nhận và giải quyết</b>	<b>68826</b>	<b>0</b>	<b>153</b>	<b>68673</b>	<b>68763</b>	<b>68763</b>	<b>0</b>	<b>63</b>	<b>63</b>	<b>0</b>	<b>51777</b>	<b>51720</b>	<b>0</b>	<b>57</b>
1	Lĩnh vực đăng kiểm	16873	0	0	16873	16873	16873	0	0	0	0	32	32	0	0
2	Lĩnh vực đường bộ	51731	0	153	51578	51674	51674	0	57	57	0	51731	51674	0	57
3	Lĩnh vực đường thủy nội địa	13	0	0	13	13	13	0	0	0	0	13	13	0	0
4	Lĩnh vực xây dựng thâm định dự án, thiết kế, dự toán	136	0	0	136	130	130	0	6	6	0	0	0	0	0
5	Lĩnh vực phí, lệ phí	01	0	0	01	01	01	0	0	0	0	1	1	0	0
6	Lĩnh vực tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo	72	0	0	72	72	72	0	0	0	0	0	0	0	0
<b>VIII</b>	<b>TTHC do Sở Xây dựng tiếp nhận, giải quyết</b>	<b>741</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>741</b>	<b>741</b>	<b>741</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>741</b>	<b>560</b>	<b>0</b>	<b>181</b>
1	Lĩnh vực xây dựng	687	0	0	687	687	687	0	0	0	0	687	511	0	176

2	Lĩnh vực quy hoạch xây dựng	33	0	0	33	33	33	0	0	0	0	33	28	0	5
3	Lĩnh vực vật liệu xây dựng	21	0	0	21	21	21	0	0	0	0	21	21	0	0
<b>IX</b>	<b>TTHC do Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận, giải quyết</b>	<b>1267</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1267</b>	<b>890</b>	<b>848</b>	<b>42</b>	<b>377</b>	<b>355</b>	<b>22</b>	<b>1267</b>	<b>848</b>	<b>42</b>	<b>377</b>
1	Lĩnh vực đất đai	602	0	0	602	382	351	31	220	204	16	602	351	31	220
2	Lĩnh vực biển và hải đảo	1	0	0	1	1	1	0	0	0	0	1	1	0	0
3	Lĩnh vực đo đạc và bản đồ	341	0	0	341	306	301	5	35	35	0	341	301	5	35
4	Lĩnh vực khoáng sản	48	0	0	48	13	13	0	35	35	0	48	13	0	35
6	Lĩnh vực môi trường	248	0	0	248	181	175	6	67	65	2	248	175	6	67
7	Lĩnh vực tài nguyên nước	27	0	0	27	7	7	0	20	16	4	27	7	0	20
<b>X</b>	<b>TTHC do Sở Thông tin và Truyền thông tiếp nhận và giải quyết</b>	<b>119</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>119</b>	<b>119</b>	<b>119</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>119</b>	<b>119</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Lĩnh vực báo chí	10	0	0	10	10	10	0	0	0	0	10	10	0	0
2	Lĩnh vực in, xuất bản	93	0	0	93	93	93	0	0	0	0	93	93	0	0
3	Lĩnh vực thông tin điện tử	02	0	0	02	02	02	0	0	0	0	02	02	0	0
4	Lĩnh vực bưu chính, chuyển phát	14	0	0	14	14	14	0	0	0	0	14	14	0	0
<b>XI</b>	<b>TTHC do Sở Lao động - Thương binh và xã hội tiếp nhận,</b>	<b>114480</b>	<b>292</b>	<b>7668</b>	<b>106520</b>	<b>112968</b>	<b>112968</b>	<b>0</b>	<b>1512</b>	<b>1512</b>	<b>0</b>	<b>114003</b>	<b>112962</b>	<b>0</b>	<b>1041</b>



	giải quyết														
1	Lĩnh vực người có công	10520	0	489	10031	9199	9199	0	1321	1321	0	10049	9199	0	850
2	Lĩnh vực bảo trợ xã hội	22	0	0	22	22	22	0	0	0	0	22	22	0	0
3	Lĩnh vực lao động - tiền lương	42	0	0	42	42	42	0	0	0	0	42	42	0	0
4	Lĩnh vực việc làm - an toàn lao động	103781	292	7178	96311	103590	103590	0	191	191	0	103781	103590	0	191
5	Lĩnh vực thanh tra	109	0	1	108	109	109	0	0	0	0	109	109	0	0
6	Lĩnh vực dạy nghề	6	0	0	6	6	6	0	0	0	0	0	0	0	0
<b>XII</b>	<b>TTHC do Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch tiếp nhận, giải quyết</b>	<b>501</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>501</b>	<b>496</b>	<b>496</b>	<b>0</b>	<b>5</b>	<b>5</b>	<b>0</b>	<b>501</b>	<b>496</b>	<b>0</b>	<b>5</b>
1	Lĩnh vực văn hóa	463	0	0	463	458	458	0	5	5	0	463	458	0	5
2	Lĩnh vực thể dục thể thao	04	0	0	04	04	04	0	0	0	0	04	04	0	0
3	Lĩnh vực du lịch	34	0	0	34	34	34	0	0	0	0	34	34	0	0
4	Lĩnh vực di sản văn hóa	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
<b>XIII</b>	<b>TTHC do Sở Khoa học và Công nghệ tiếp nhận và giải quyết</b>	<b>93</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>93</b>	<b>93</b>	<b>93</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>93</b>	<b>93</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Lĩnh vực an toàn bức xạ	17	0	0	17	17	17	0	0	0	0	17	17	0	0
2	Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ	28	0	0	28	28	28	0	0	0	0	28	28	0	0

3	Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng	48	0	0	48	48	48	0	0	0	0	48	48	0	0
XIV	<b>TTHC do Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp nhận, giải quyết</b>	<b>126</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>126</b>	<b>126</b>	<b>126</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Cấp phép tổ chức, hoạt động của trung tâm ngoại ngữ, tin học ngoài công lập	04	0	0	04	04	04	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Cấp và tiếp nhận chuyên trường đối với học sinh phổ thông	32	0	0	32	32	32	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Cấp phép học thêm, dạy thêm	04	0	0	04	04	04	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Cấp lại bản sao văn bằng	86	0	0	86	86	86	0	0	0	0	0	0	0	0
XV	<b>TTHC do Sở Y tế tiếp nhận và giải quyết</b>	<b>2499</b>	<b>0</b>	<b>120</b>	<b>2379</b>	<b>2252</b>	<b>2139</b>	<b>113</b>	<b>247</b>	<b>191</b>	<b>56</b>	<b>2026</b>	<b>1666</b>	<b>113</b>	<b>247</b>
1	Lĩnh vực hành nghề y	891	0	91	800	715	645	70	176	120	56	891	645	70	176
2	Lĩnh vực hành nghề dược	817	0	21	796	747	704	43	70	70	0	817	704	43	70
3	Lĩnh vực an toàn thực phẩm	318	0	8	310	317	317	0	01	01	0	318	317	0	1
4	Lĩnh vực giám định y khoa	473	0	0	473	473	473	0	0	0	0	0	0	0	0
XVI	<b>TTHC do Sở Ngoại vụ tiếp nhận, giải quyết</b>	<b>44</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>44</b>	<b>44</b>	<b>44</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

1	Lĩnh vực xuất nhập cảnh	6	0	0	6	6	6	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Lĩnh vực lãnh sự	9	0	0	9	9	9	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Lĩnh vực thông tin đối ngoại	5	0	0	5	5	5	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Lĩnh vực hoạt động phi chính phủ	24	0	0	24	24	24	0	0	0	0	0	0	0	0
<b>XVII</b>	<b>TTHC do Thanh tra tỉnh tiếp nhận và giải quyết</b>	<b>446</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>435</b>	<b>441</b>	<b>434</b>	<b>7</b>	<b>5</b>	<b>5</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Lĩnh vực tiếp công dân	73	0	0	73	73	73	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Lĩnh vực xử lý đơn thư	293	0	0	293	293	293	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Lĩnh vực rà soát, tham mưu xử lý đơn	50	0	8	42	46	46	0	4	4	0	0	0	0	0
4	Lĩnh vực giải quyết khiếu nại	30	0	3	27	29	22	7	1	1	0	0	0	0	0
<b>XVIII</b>	<b>Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi</b>	<b>148</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>148</b>	<b>136</b>	<b>131</b>	<b>5</b>	<b>12</b>	<b>12</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Lĩnh vực đầu tư	93	0	0	93	87	84	3	6	6	0	0	0	0	0
2	Lĩnh vực tài nguyên môi trường	09	0	0	09	07	07	0	2	2	0	0	0	0	0
3	Lĩnh vực quy hoạch, xây dựng	37	0	0	37	33	32	1	4	4	0	0	0	0	0
4	Lĩnh vực quản lý doanh nghiệp	09	0	0	09	9	8	1	0	0	0	0	0	0	0
5	Lĩnh vực kế hoạch, tài chính	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

<b>B</b>	<b>TTTC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện (11/14 huyện, thành phố)</b>	<b>64.594</b>	<b>106</b>	<b>132</b>	<b>64.356</b>	<b>64.227</b>	<b>63.948</b>	<b>279</b>	<b>367</b>	<b>334</b>	<b>33</b>	<b>31.481</b>	<b>31.040</b>	<b>243</b>	<b>198</b>
1	Lĩnh vực nội vụ-tôn giáo	5715	0	0	5715	5712	5712	0	3	3	0	0	0	0	0
2	Lĩnh vực đăng ký kinh doanh	4117	0	0	4117	4117	4117	0	0	0	0	4117	4117	0	0
3	Lĩnh vực tài chính - kế hoạch và đầu tư	171	0	0	171	151	151	0	20	20	0	171	151	0	20
4	Lĩnh vực công nghiệp, thương mại	410	0	2	408	391	391	0	19	19	0	385	366	0	19
5	Lĩnh vực xây dựng-quản lý đô thị	2809	0	42	2767	2754	2750	4	55	54	1	2599	2550	4	45
6	Lĩnh vực giao thông	10220	0	0	10220	10220	10220	0	0	0	0	7143	7143	0	0
7	Lĩnh vực tư pháp	9910	47	0	9863	9910	9910	0	0	0	0	8426	8426	0	0
8	Lĩnh vực y tế	346	1	0	345	344	344	0	2	2	0	6	4	0	2
9	Lĩnh vực văn hóa - thông tin	39	0	0	39	29	29	0	10	10	0	2	2	0	0
10	Lĩnh vực nông, lâm nghiệp	90	0	0	90	90	90	0	0	0	0	0	0	0	0
11	Lĩnh vực bảo vệ môi trường	365	0	0	365	297	296	1	68	59	9	118	115	0	3
12	Lĩnh vực đăng ký biện pháp bảo đảm	426	0	0	426	426	426	0	0	0	0	426	426	0	0
13	Lĩnh vực đất đai	5602	58	55	5489	5436	5312	124	166	146	20	4532	4313	124	95
14	Lĩnh vực giáo dục-đào tạo	2948	0	0	2948	2948	2948	0	0	0	0	1466	1466	0	0
15	Lĩnh vực lao động,	184	0	0	184	184	184	0	0	0	0	0	0	0	0

	việc làm, giáo dục nghề nghiệp														
16	Lĩnh vực bảo trợ xã hội	18047	0	29	18018	18033	17904	129	14	14	0	1200	1071	115	14
17	Lĩnh vực người có công	957	0	0	957	957	957	0	0	0	0	890	890	0	0
18	Lĩnh tiếp công dân và khiếu nại, tố cáo	2238	0	4	2234	2228	2207	21	10	7	3	0	0	0	0
<b>C</b>	<b>TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã</b>	<b>566.708</b>	<b>0</b>	<b>6.000</b>	<b>560.708</b>	<b>563.643</b>	<b>563.320</b>	<b>323</b>	<b>3.065</b>	<b>2.905</b>	<b>160</b>	<b>545.598</b>	<b>542.157</b>	<b>1.130</b>	<b>2.311</b>
1	Lĩnh vực hành chính tư pháp	83387	0	1616	81771	82550	82550	0	837	837	0	75422	74585	0	837
2	Lĩnh vực chứng thực	430460	0	2313	428147	430460	430460	0	0	0	0	430460	430460	0	0
3	Lĩnh vực đất đai	11317	0	1187	10130	10345	10164	181	972	961	11	10769	9655	167	947
4	Lĩnh vực bảo vệ môi trường	26	0	4	22	26	26	0	0	0	0	6	6	0	0
5	Lĩnh vực tiếp công dân, xử lý đơn và khiếu nại, tố cáo	4305	0	83	4222	3971	3923	48	334	248	86	1500	1433	5	62
6	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo	21	0	1	20	21	21	0	0	0	0	19	18	0	1
7	Lĩnh vực lâm nghiệp	247	0	4	243	247	247	0	0	0	0	136	136	0	0
8	Lĩnh vực văn hóa - thể thao	14662	0	0	14662	14662	14662	0	0	0	0	13930	13930	0	0
9	Lĩnh vực bảo trợ xã hội	14024	0	436	13588	13461	13461	0	563	511	52	8400	8081	0	319
10	Lĩnh vực người có công	7486	0	347	7139	7177	7083	94	309	298	11	4591	3529	958	104

		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
11	Lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo	29	0	0	29	29	29	0	0	0	0	11	11	0	0
12	Lĩnh vực xây dựng	2	0	0	2	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0
13	Lĩnh vực bảo vệ và chăm sóc trẻ em	742	0	9	733	692	692	0	50	50	0	354	313	0	41

**Biểu số 06g/VPCP/KSTT**  
Ban hành theo Thông tư số  
02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017.

**NGUYÊN NHÂN QUÁ HẠN ĐỐI VỚI  
CÁC TRƯỜNG HỢP TỒN ĐỘNG TRONG  
GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**Kỳ báo cáo: Năm 2018**  
(Từ ngày 15/12/2017 đến ngày 15/12/2018)

**Đơn vị báo cáo:**  
UBND cấp tỉnh Quảng Ngãi (Văn phòng  
UBND tỉnh).

**Đơn vị nhận báo cáo:**  
Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát  
TTHC).

**I. TỔNG HỢP NGUYÊN NHÂN QUÁ HẠN**

*Đơn vị tính: Số hồ sơ TTHC*

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết	Số lượng hồ sơ	Nguyên nhân quá hạn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.169</b>		
<b>I</b>	<b>TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết cấp tỉnh</b>	<b>374</b>		
1	Lĩnh vực tôn giáo	15	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Do xác minh hồ sơ;</li> <li>- Chờ ý kiến của cơ quan có liên quan.</li> <li>- Do cơ chế phối hợp giữa các cơ quan chưa tốt (trong các trường hợp giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông).</li> <li>- Do thời tiết không thuận lợi cho việc kiểm tra thực địa.</li> </ul>	
2	Lĩnh vực lý lịch tư pháp	112		
3	Lĩnh vực lâm nghiệp	1		
4	Lĩnh vực thủy lợi	1		
5	Lĩnh vực đất đai	47		
6	Lĩnh vực đo đạc và bản đồ	5		
7	Lĩnh vực môi trường	8		
8	Lĩnh vực tài nguyên nước	4		
9	Lĩnh vực hành nghề y	126		
10	Lĩnh vực hành nghề dược	43		
11	Lĩnh vực đầu tư	3		

12	Lĩnh vực giải quyết khiếu nại	7		
13	Lĩnh vực quy hoạch, xây dựng; quản lý doanh nghiệp	2		
<b>II</b>	<b>TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết cấp huyện</b>	<b>312</b>		
1	Lĩnh vực xây dựng-quản lý đô thị	5		
2	Lĩnh vực bảo vệ môi trường	10		
3	Lĩnh vực đất đai	144		
4	Lĩnh vực bảo trợ xã hội	129		
5	Lĩnh vực tiếp công dân và khiếu nại, tố cáo	24		
<b>III</b>	<b>TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết cấp xã</b>	<b>483</b>		
1	Lĩnh vực đất đai	192		
2	Lĩnh vực tiếp công dân, xử lý đơn và khiếu nại, tố cáo	134		
3	Lĩnh vực bảo trợ xã hội	52		
4	Lĩnh vực người có công	105		